

Số: **04** /ĐC-TTgHà Nội, ngày **05** tháng **01** năm **2010****ĐÍNH CHÍNH****Bản Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia ban hành kèm theo Quyết định số 125/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ**

Do sơ suất trong khâu biên tập, thừa ủy quyền Thủ tướng Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông xin đính chính một số sai sót trong bản Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia, ban hành kèm theo Quyết định số 125/2009/QĐ-TTg ngày 23 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Tại phần Mục lục, dòng thứ 9 đến dòng thứ 17 từ trên xuống được viết là:

| | |
|---|-----|
| 2.3. Các nghiệp vụ | 9 |
| 2.4. Các đài và các hệ thống vô tuyến điện..... | 14 |
| 2.5. Các đặc tính của các phát xạ và thiết bị vô tuyến điện..... | 19 |
| 2.6. Dùng chung tần số | 23 |
| 2.7. Các thuật ngữ kỹ thuật về thông tin không gian..... | 24 |
| 3. Cấu trúc bảng phân chia phổ tần số cho các nghiệp vụ..... | 27 |
| 4. Bảng phân chia phổ tần số cho các nghiệp vụ..... | 29 |
| 5. Các chú thích của Việt Nam..... | 98 |
| 6. Các chú thích của Liên minh Viễn thông quốc tế có liên quan..... | 101 |

Nay xin được sửa lại là:

| | |
|---|----|
| 2.3. Các nghiệp vụ | 10 |
| 2.4. Các đài và các hệ thống vô tuyến điện..... | 16 |
| 2.5. Các đặc tính của các phát xạ và thiết bị vô tuyến điện..... | 22 |
| 2.6. Dùng chung tần số | 27 |
| 2.7. Các thuật ngữ kỹ thuật về thông tin không gian..... | 28 |
| 3. Cấu trúc bảng phân chia phổ tần số cho các nghiệp vụ..... | 30 |
| 4. Bảng phân chia phổ tần số cho các nghiệp vụ..... | 32 |
| 5. Các chú thích của Việt Nam..... | 96 |
| 6. Các chú thích của Liên minh Viễn thông quốc tế có liên quan..... | 99 |

Tại trang 70, hàng thứ 4 và thứ 5 từ trên xuống của bảng được viết là:

| | | |
|--------------|--|--|
| 9900 -10 000 | VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.477 5.478 5.479 | VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.479 |
| 10-10,45 | CÓ ĐỊNH LƯU ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.479 | CÓ ĐỊNH LƯU ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.479 |

Nay xin được sửa lại là:

| | | |
|---------------------|--|--|
| 9900 -10 000 | VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.477 5.478 5.479 | VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Cố định 5.479 |
| Tần số (GHz) | Phân chia của khu vực 3 | Phân chia của Việt nam |
| 10-10,45 | CÓ ĐỊNH LƯU ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.479 | CÓ ĐỊNH LƯU ĐỘNG VÔ TUYẾN ĐỊNH VỊ Nghệ nghiệp dư 5.479 |

Từ trang 71 đến trang 96, hàng thứ 1 từ trên xuống của bảng được viết là:

| | | |
|---------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Tần số (MHZ) | Phân chia của khu vực 3 | Phân chia của Việt Nam |
|---------------------|--------------------------------|-------------------------------|

Nay xin được sửa lại là:

| | | |
|---------------------|--------------------------------|-------------------------------|
| Tần số (GHz) | Phân chia của khu vực 3 | Phân chia của Việt Nam |
|---------------------|--------------------------------|-------------------------------|

**TUQ.THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG**



Lê Doãn Hợp

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HỘND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (5b) **200**